|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-BKHĐT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Nghị định quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và cơ chế thanh toán, quyết toán đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1601/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2024 về việc ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khoá XV thông qua tại Kỳ họp thứ 8, Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và cơ chế thanh toán, quyết toán đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT theo những nội dung sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH**

**1. Cơ sở chính trị**

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định về việc “*tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước*”.

- Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đề ra nhiệm vụ: *Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; khẩn trương rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật không còn phù hợp, trùng chéo, hoặc chưa đầy đủ, nhất là về đầu tư, kinh doanh, đất đai, quy hoạch, ngân sách, tài sản công, thuế…*”.

- Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đã đề ra mục tiêu của công tác xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khoá XV là hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, tạo lập khung khổ pháp lý để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2025, trong đó lưu ý: “*chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế; lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm; tăng cường giám sát, kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước; thúc đẩy đổi mới sáng tạo*”.

- Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí *đã yêu cầu có phương án giải quyết dứt điểm tồn tại kéo dài đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, dự án sử dụng vốn ODA, dự án BOT, BT hiệu quả thấp, gây thất thoát, lãng phí lớn…*

**2. Cơ sở pháp lý**

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đấu thầu được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 8 (Luật số 57/2024/QH15), trong đó, Quốc hội đã giao Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và cơ chế thanh toán, quyết toán đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT.

- Tại Quyết định số 1610/QĐ-TTg ngày 19/12/2024 ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp 8, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo Nghị định quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và cơ chế thanh toán, quyết toán đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT (thay thế Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư).

**3. Cơ sở thực tiễn**

Việc xây dựng Nghị định quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và cơ chế thanh toán, quyết toán đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT (thay thế Nghị định số 28/2021/NĐ-CP) là cần thiết, đảm thống nhất, đồng bộ với các quy định tại luật được Quốc hội khoá XV thông qua tại kỳ họp thứ 8 như: Luật PPP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 3 Luật số 57/2024/QH15), Luật Chứng khoán, Luật Ngân sách nhà nước (được sửa đổi bổ sung tại Luật số 56/2024/QH15), Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; đồng thời, góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Nghị định số 28/2021/NĐ-CP; cụ thể như sau:

***2.1. Các nội dung Luật PPP giao Chính phủ quy định chi tiết***

Tại Quyết định số 1610/QĐ-TTg ngày 19/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính được giao chủ trì soạn thảo Nghị định quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và cơ chế thanh toán, quyết toán đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT (thay thế Nghị định số 28/2021/NĐ-CP), gồm:

- Quyết toán vốn đầu tư công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng (khoản 4 Điều 60 Luật PPP);

- Trình tự, thủ tục xử lý tài sản chuyển giao (khoản 3 Điều 67 Luật PPP);

- Sử dụng vốn nhà nước trong dự án PPP (khoản 3 Điều 69 Luật PPP);

- Phát hành trái phiếu doanh nghiệp dự án PPP (khoản 4 Điều 78 Luật PPP);

- Cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu (khoản 5 Điều 82 Luật PPP);

- Cơ chế thanh toán, quyết toán đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT (khoản 12 Điều 3 Luật số 57/2024/QH15);

- Ngoài ra, khoản 1 Điều 91 Luật PPP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 3 Luật số 57/2024/QH15) về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính quy định Bộ Tài chính ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về cơ chế tài chính trong đầu tư theo phương thức PPP, cơ chế thanh toán, quyết toán đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT.

***2.2 Các nội dung sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định của Luật PPP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 3 Luật số 57/2024/QH15)***

Điều 3 Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật PPP như: Bổ sung quy định về dự án áp dụng loại hợp đồng BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước, thanh toán bằng quỹ đất được thu hồi theo pháp luật về đất đai (khoản 12 Điều 3 Luật số 57/2024/QH15); Bổ sung, sửa đổi quy định về vốn Nhà nước trong dự án PPP, nguồn vốn thanh toán cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu (khoản 16, khoản 17, khoản 18, khoản 19 Điều 3 Luật số 57/2024/QH15). Do vậy, Nghị định cần phải sửa đổi, bổ sung các nội dung tương ứng để bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy định của Luật.

***2.3 Các nội dung được sửa đổi, bổ sung để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án PPP***

Trên cơ sở tổng hợp, tiếp thu ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, nhà đầu tư trong quá trình rà soát các vướng mắc Nghị định số 28/2021/NĐ-CP, dự thảo Nghị định đã bổ sung, sửa đổi một số quy định cho phù hợp hơn, đảm bảo quyền, nghĩa vụ giữa các bên trong hợp đồng PPP; cụ thể:

- Bổ sung quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán chi phí chuẩn bị đầu tư từ giai đoạn lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đến khi ký kết hợp đồng PPP;

- Bổ sung quy định về sử dụng tiền hoàn thuế giá trị gia tăng tương ứng với phần vốn nhà nước tham gia dự án PPP;

- Sửa đổi quy định liên quan đến chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu theo hướng tăng cường vai trò của nhà đầu tư khi xác định phần doanh thu cần chia sẻ; trình tự, thủ tục thực hiện cơ chế này phù hợp với quy định tại Luật số 57/2024/QH15 và định hướng sáp nhập, hợp nhất bộ máy quản lý nhà nước;

- Sửa đổi, bổ sung các mẫu biểu thanh toán, quyết toán phù hợp với thực tiễn, xử lý một số vướng mắc hiện nay.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

**1. Mục đích**

- Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về đầu tư theo phương thức PPP phù hợp với quy định mới của tại Luật PPP (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 3 Luật số 57/2024/QH15) nhằm thể chế hóa đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng tại Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư theo phương thức PPP, nhất là quản lý nguồn vốn Nhà nước tham gia trong dự án PPP.

- Nâng cao trách nhiệm của các đối tượng áp dụng Nghị định này gắn với quyền lợi tương ứng.

**2. Quan điểm xây dựng Nghị định**

**-** Quy định chi tiết, đầy đủ các điều, khoản, điểm của Luật PPP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 3 Luật số 57/2024/QH15) được Quốc hội giao Chính phủ quy định chi tiết;

- Kế thừa, hoàn thiện các quy định về đầu tư theo phương thức PPP đã áp dụng ổn định, phát huy hiệu quả trên thực tế và vẫn bảo đảm phù hợp với quy định của Luật PPP.

- Bảo đảm tính khả thi, thống nhất, đồng bộ giữa quy định tại Nghị định với các pháp luật khác có liên quan như pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước, xây dựng, …

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

Căn cứ nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1601/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2024 (nêu trên), ngày /01/2025, Bộ Tài chính đã có văn bản số /BTC-ĐT gửi xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân, văn bản số /BTC-ĐT gửi Cổng thông tin điện tử Chính phủ và đăng công khai trên trang điện tự của Bộ Tài chính và Chính phủ đề nghị các đơn vị liên quan đóng góp ý kiến.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến từ …., Bộ Tài chính đã tiếp thu các đóng góp để hoàn chỉnh Dự thảo Nghị định (được tổng hợp tại biểu đính kèm)

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CỦA NGHỊ ĐỊNH**

**1. Bố cục**

Dự thảo Nghị định gồm 08 Chương, 42 Điều, 07 Mẫu biểu.

**Chương I.** Quy định chung(Điều 1 đến Điều 3)

**Chương II.** Phương án tài chính dư án PPP, vốn thực hiện dự án PPP của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP(từ Điều 4 đến Điều 7)

**Chương III.** Quản lý, sử dụng, thanh toán vốn Nhà nước trong dự án PPP (từ Điều 8 đến Điều 19)

**Chương IV.** Quyết toán vốn đầu tư công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng dự án PPP (từ Điều 20 đến Điều 23)

**Chương V.** Chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu (từĐiều 24 đến Điều 27)

**Chương VI.** Lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý, thanh toán, quyết toán vốn ngân sách nhà nước thanh toán dự án BT (từĐiều 28 đến Điều 34)

**Chương VII.** Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân (từ Điều 35 đến Điều 40)

**Chương VIII.** Điều khoản thi hành (từĐiều 41 đến Điều 42)

***Phụ lục gồm 11 mẫu biểu:***

Mẫu số 01. Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành tiểu dự án trong dự án PPP

Mẫu số 02. Giấy đề nghị thanh toán phần vốn đầu tư công thực hiện tiểu dự án trong dự án PPP

Mẫu số 03. Giấy rút vốn/Chứng từ chuyển tiền

Mẫu số 04. Bảng tổng hợp giá trị khối lượng công việc hoàn thành đề nghị thanh toán của hạng mục có sử dụng vốn đầu tư công

Mẫu số 05. Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư công hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng bố trí vào hạng mục cụ thể thuộc dự án PPP

Mẫu số 06. Bảng tổng hợp giá trị khối lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ công đề nghị thanh toán

Mẫu số 07. Giấy đề nghị thanh toán cho doanh nghiệp dự án PPP cung cấp sản phẩm, dịch vụ công

Mẫu số 08. Quyết định chấp thuận quyết toán vốn đầu tư, công trình dự án PPP (dự án thành phần, tiểu dự án) hoàn thành

Mẫu số 09. Giấy đề nghị thanh toán cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu của cơ quan ký kết hợp đồng

Mẫu số 10. Giấy đề nghị thanh toán của cơ quan ký kết hợp đồng BT

Mẫu số 11. Giấy rút vốn/Chứng từ chuyển tiền

**2. Nội dung cơ bản**

***2.1. Về phương án tài chính của dự án PPP***

Nội dung này được quy định tại 04 điều của Chương II cơ bản được kế thừa các nội dung đã được quy định tại Nghị định số 28/2021/NĐ-CP; tương ứng với 4 nội dung cụ thể:

- Quy định phương án tài chính của dự án PPP được xây dựng trên cơ sở dòng tiền sau thuế được chiết khấu về giá trị hiện tại theo tỷ suất chiết khấu bình quân gia quyền của lãi suất các nguồn vốn dự án huy động thực hiện dự án PPP.

- Quy định các nội dung của phương án tài chính trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, khả thi dự án làm cơ sở cho cơ quan nhà nước xem xét quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án; căn cứ xác định lãi vay, lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của các dự án PPP; các chỉ tiêu phân tích, đánh giá hiệu quả tài chính của dự án PPP;

- Quy định căn cứ xác định vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư phải đảm bảo khi tham gia thực hiện dự án PPP là báo cáo tài chính của nhà đầu tư năm gần nhất, báo cáo tài chính từ thời điểm thành lập đến thời điểm tham gia dự ná hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ đã được đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán và các tài liệu chứng minh.

- Quy định việc huy động vốn của doanh nghiệp dự án thông qua hoạt động vay, phát hành trái phiếu doanh nghiệp tính đến thời điểm đàm phán hợp đồng để đảm bảo khả năng tài chính thực hiện dự án của chủ đầu tư.

***2.2. Về quản lý, sử dụng thanh toán vốn nhà nước trong dự án PPP (Chương III dự thảo Nghị định)***

***a) Quy định của pháp luật về PPP***

- Điều 69 Luật PPP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 3 Luật số 57/2024/QH15)

*1. Vốn nhà nước được sử dụng cho các mục đích sau đây:*

*a) Hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng thuộc dự án PPP;*

*b) Thanh toán cho doanh nghiệp dự án PPP cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo hợp đồng BTL, hợp đồng BLT; thanh toán cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP theo hợp đồng BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước*

*c) Chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công hình tạm;*

*d) Chi trả phần giảm doanh thu; chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn*

*đ) Chi phí của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng, đơn vị chuẩn bị dự án PPP, bên mời thầu để thực hiện các hoạt động thuộc nhiệm vụ của mình quy định tại Điều 11 của Luật này;*

*e) Chi phí của Hội đồng thẩm định dự án PPP, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định dự án PPP.*

*2. Tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án PPP theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này không quá 50% sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư của dự án, trừ trường hợp quy định tại khoản 2a Điều này.*

*2a. Tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án PPP cao hơn mức quy định tại khoản 2 Điều này nhưng không quá 70% sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư của dự án trong trường hợp dự án PPP đáp ứng một, một số hoặc các điều kiện sau đây:*

*a) Dự án có chi phí quy định tại điểm c khoản 1 Điều này vượt quá 50% sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư;*

*b) Dự án thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và cần sử dụng vốn nhà nước cao hơn mức quy định tại khoản 2 Điều này để bảo đảm tính khả thi về tài chính của dự án;*

*c) Dự án có yêu cầu tiếp nhận chuyển giao công nghệ cao, công nghệ mới, tiên tiến từ nhà đầu tư tư nhân và cần sử dụng vốn nhà nước cao hơn mức quy định tại khoản 2 Điều này để bảo đảm tính khả thi về tài chính của dự án.*

*2b. Trường hợp dự án đáp ứng một, một số hoặc các điều kiện quy định tại khoản 2a Điều này, cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư quyết định việc áp dụng tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án PPP theo quy định như sau:*

*a) Đối với dự án PPP không phân chia dự án thành phần, tỷ lệ vốn nhà nước được áp dụng không quá 70% sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư của dự án;*

*b) Đối với dự án PPP gồm các dự án PPP thành phần, tỷ lệ vốn nhà nước không quá 70% sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư của từng dự án thành phần;*

*c) Đối với dự án được tách thành các dự án thành phần gồm dự án đầu tư công và dự án PPP, tỷ lệ vốn nhà nước không quá 70% sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư của dự án PPP. Trường hợp việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư, hỗ trợ xây dựng công trình tạm được tách thành một dự án thành phần độc lập sử dụng vốn đầu tư công, dự án thành phần PPP được áp dụng tỷ lệ vốn nhà nước không quá 70% sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư khi đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b, điểm c khoản 2a Điều này”.*

- Điều 73 Luật PPP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 3 Luật số 57/2024/QH15) quy định:

Điều 73. Chi phí của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng, đơn vị chuẩn bị dự án PPP, bên mời thầu, Hội đồng thẩm định dự án PPP, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định dự án PPP

*“1. Chi phí chuẩn bị dự án của cơ quan có thẩm quyền, đơn vị chuẩn bị dự án PPP; chi phí tổ chức thẩm định của Hội đồng thẩm định dự án PPP và đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định dự án PPP; chi phí tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, ký kết hợp đồng của cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu được bố trí từ nguồn vốn đầu tư công, chi thường xuyên, nguồn vốn hợp pháp khác và tính vào tổng mức đầu tư của dự án.*

*2. Nhà đầu tư được lựa chọn chịu trách nhiệm hoàn trả các chi phí quy định tại khoản 1 Điều này về ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước hoặc về nguồn vốn hợp pháp đã được sử dụng để chuẩn bị dự án.*

*3. Chi phí triển khai thực hiện dự án sau khi ký kết hợp đồng của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng được bố trí từ nguồn vốn chi thường xuyên của các cơ quan này và nguồn vốn hợp pháp khác.”.*

***b) Đề xuất hướng dẫn của Bộ Tài chính***

(1) Về quản lý, sử dụng đối với chi phí chuẩn bị đầu tư

- Nguồn kinh phí cho công tác chuẩn bị đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 1 Luật PPP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 3 Luật số 57/2024/QH15); lập, thẩm định, phê duyệt chi phí chuẩn bị đầu tư đối với dự án có cấu phần xây dựng và dự án không có cấu phần xây dựng (tương tự như dự án đầu tư công); quyết toán chi phí chuẩn bị dự án (Điều 8 dự thảo Nghị định).

- Lập, thẩm định, giao dự toán, quyết toán nguồn chi thường xuyên để thanh toán chi phí triển khai thực hiện dự án sau khi hợp đồng ký kết của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng; quản lý, thanh toán, quyết toán nguồn vốn khác cho chi phí triển khai dự án sau khi ký kết hợp đồng PPP của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng (Điều 9 đến Điều 12 dự thảo Nghị định).

(2) Nguyên tắc quản lý, sử dụng vốn nhà nước hỗ trợ cho dự án PPP (Điều 13 dự thảo Nghị định):

- Tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 16 Điều 3 Luật số 57/2024/QH14; hợp đồng dự án PPP phải quy định cụ thể tỷ lệ, giá trị, tiến độ, điều kiện thanh toán.

- Phần vốn Nhà nước hỗ trợ chi phí xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng; chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư, hỗ trợ xây dựng tạm (quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 69 Luật PPP) không tính vào phương án thu hồi vốn và lợi nhuận của nhà đầu tư;

- Tiền thuế giá trị gia tăng được hoàn tương ứng phần vốn Nhà nước theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 69 Luật PPP không tính vào phương án thu hồi vốn và lợi nhuận của nhà đầu tư và được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của Bộ Tài chính.

- Về thanh toán cho các dự án thực hiện theo loại hợp đồng BTL, hợp đồng BLT:

+ Đối với các dự án do các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên hoặc đảm bảo một phần chi thường xuyên là cơ quan ký kết hợp đồng, vốn thanh toán cho doanh nghiệp dự án PPP gồm một hoặc các nguồn vốn sau: Vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; Vốn chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán hằng năm và các khoản thu (nếu có) của dự án PPP.

+ Đối với các dự án do các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư hoặc tự đảm bảo chi thường xuyên là cơ quan ký kết hợp đồng, vốn thanh toán cho doanh nghiệp dự án PPP bao gồm: Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp, vốn đầu tư công được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm; Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp theo quy định của pháp luật (nếu có).

(3) Nguyên tắc kiểm soát thanh toán vốn nhà nước gồm các nội dung (Điều 14 đến Điều 17 dự thảo Nghị định)

- Cơ quan kiểm soát thanh toán:

Cơ quan kho bạc nhà nước là cơ quan thực hiện kiểm soát, thanh toán; thực hiện kiểm soát thanh toán đối với nguồn vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước dành đầu tư và chi thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán.

Cơ quan ký kết hợp đồng (trường hợp cơ quan ký kết hợp đồng là đơn vị sự nghiệp công lập) thực hiện kiểm soát, thanh toán vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư của đơn vị mình, nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

- Vốn nhà nước được thanh toán sau khi được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch vốn đầu tư công, giao dự toán năm đối với chi thường xuyên và nguồn thu hợp pháp theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Vốn đầu tư công hỗ trợ công trình được thanh toán trên cơ sở cơ quan quản lý phần vốn nhà nước xác nhận và theo tỷ lệ, tiến độ, điều kiện trong hợp đồng dự án, phù hợp với kế hoach/dự toán hàng năm được giao.

- Vốn nhà nước thanh toán định kỳ cho các hợp đồng BTL, BLT trên cơ sở khối lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ công được cung cấp.

- Cơ quan đề nghị thanh toán phần vốn nhà nước chịu trách nhiệm về tính chính xác của khối lượng, chất lượng công trình, giá trị đề nghị thanh toán, điều kiện giải ngân phần hỗ trợ của nhà nước.

(4) Hồ sơ kiểm soát, thanh toán: hồ sơ pháp lý chỉ 01 lần; Hồ sơ thanh toán từng lần (Điều 18 đến Điều 19 dự thảo Nghị định)

***2.3. Về quyết toán***

***a) Quy định tại Luật PPP***

- Điều 60. Quyết toán vốn đầu tư công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng

*1. Sau khi hoàn thành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ quan ký kết hợp đồng thực hiện quyết toán vốn đầu tư công trong dự án PPP như sau:*

*a) Trường hợp vốn đầu tư công trong dự án PPP được quản lý và sử dụng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 70 và khoản 2 Điều 72 của Luật này, cơ quan ký kết hợp đồng và doanh nghiệp dự án PPP thực hiện quyết toán vốn đầu tư công trong dự án PPP theo quy định của pháp luật như đối với dự án đầu tư công;*

*b) Trường hợp vốn đầu tư công trong dự án PPP được quản lý và sử dụng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 70 của Luật này, cơ quan ký kết hợp đồng tổng hợp giá trị đã giải ngân cho doanh nghiệp dự án PPP được kiểm toán độc lập kiểm toán, làm cơ sở để quyết toán vốn đầu tư công trong dự án PPP. Vốn đầu tư công trong dự án PPP được quyết toán không vượt quá mức vốn nhà nước được xác định tại hợp đồng.*

*2. Sau khi hoàn thành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ quan ký kết hợp đồng và doanh nghiệp dự án PPP thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng. Giá trị quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng hoặc giá trị quyết toán vốn đầu tư đối với dự án không có cấu phần xây dựng được xác định căn cứ hợp đồng đã ký kết.*

*3. Cơ quan ký kết hợp đồng thỏa thuận với doanh nghiệp dự án PPP tại hợp đồng về việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập có năng lực và kinh nghiệm để thực hiện việc kiểm toán vốn đầu tư xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.*

- Khoản 2 Điều 13 Luật Ngân sách nhà nước quy định: “*2. Các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước phải được hạch toán kế toán, quyết toán đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ”.*

***b) Đề xuất của Bộ Tài chính***

(1) Quyết toán niên độ ngân sách theo năm ngân sách được hướng dẫn tại Nghị định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; đối với nguồn chi thường xuyên được quyết toán theo quy định về xét duyệt, thẩm đinh, thông báo và tổng hợp quyết toán năm (Điều 20 dự thảo Nghị định).

(2) Quyết toán vốn đầu tư công trình, dự án PPP hoàn thành (trừ dự án BT) (Điều 21 đến Điều 23 dự thảo Nghị định)

Theo quy định tải khoản 2 Điều 60 Luật PPP, sau khi hoàn thành công trình cơ quan ký kết hợp đồng và doanh nghiệp dự án thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình. Giá trị quyết toán này được xác định căn cứ hợp đồng dự án đã ký. Cơ quan quan ký kết hợp đồng và doanh nghiệp dự án thoả thuận lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán vốn đầu tư xây dựng công trình.

Đồng thời tại khoản 3 Điều 85 Luật PPP quy định Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán dự án hoàn thành, kiểm toán toàn bộ giá trị tài sản của dự án PPP khi được chuyển giao cho nhà nước.

Do dự án PPP được triển khai trên cơ sở hợp đồng dự án được ký kết giữa doanh nghiệp dự án/nhà đầu tư và cơ quan nhà nước, nguồn vốn để thực hiện ngoài khoản nhà nước hỗ trợ (nếu có) cơ bản là nguồn vốn chủ sở hữu và vốn huy động của doanh nghiệp dự án, việc quyết toán tuân theo quy định tại hợp đồng dự án nên trình tự, thủ tục, trách nhiệm các bên liên quan cơ bản tuân theo qui định của hợp đồng.

Trên cơ sở quy định trên việc quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được quy định:

- Sau khi dự án hoàn thành, doanh nghiệp dự án có trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán các chi phí hợp pháp trong quá trình đầu tư, đưa dự án vào khai thác theo quy định tại hợp đồng dự án.

- Căn cứ hồ sơ quyết toán dự án PPP hoàn thành, kết luận của các cơ quan kiểm toán, cơ quan thanh tra, cơ quan điều tra (nếu có), cơ quan kiểm tra và báo cáo tình hình chấp hành của doanh nghiệp dự án; cơ quan ký kết hợp đồng xem xét chấp thuận giá trị quyết toán vốn đầu tư dự án PPP hoàn thành..

- Hồ sơ quyết toán gồm: Tờ trình đề nghị thoả thuận giá trị quyết toán; hồ sơ hợp đồng dự án (theo quy định tại Điều 46 Luật PPP); Báo cáo kiểm toán độc lập đối với dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng BOT, BOO, O&M, BLT; Báo cáo của Kiểm toán nhà nước đối với dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng BTL, BTO; Kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra, biên bản kiểm tra của cơ quan kiểm trá (nếu có).

- Thời gian tối đa doanh nghiệp lập hồ sơ quyết toán là 09 tháng đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ; 06 tháng đối với các dự án còn lại.

***2.4. Về cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu***

***a) Quy định của Luật PPP***

Theo quy định tại Điều 82 Luật PPP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Điều 3 Luật số 57/2024/QH15), cơ chế chia sẻ doanh thu như sau:

*- Khi doanh thu thực tế cao hơn 125% doanh thu trong phương án tài chính, doanh nghiệp dự án chi sẻ nhà nước 50% số chênh lệch tăng vượt quá mức 125% này sau khi đã điều chỉnh mức giá phí dịch vụ (giảm), điều chỉnh thời gian hợp đồng (giảm) và được Kiểm toán nhà nước kiểm toán phần tăng doanh thu.*

*Khi doanh thu thực tế thấp hơn 75% mức doanh thu trong phương án tài chính, Nhà nước chia sẻ 50% phần chênh lệch giữa mức 75% này và doanh thu thực tế chỉ áp dụng: đối với hợp đồng BOT, BTO, BOO; lý do giảm doanh thu được xác định do quy hoạch, chính sách, pháp luật thay đổi; đã điều chỉnh tăng giá, phí, tăng thời gian hợp đồng song vẫn chưa đảm bảo đạt mức 75% doanh thu theo phương án tài chính; được Kiểm toán nhà nước kiểm toán phần giảm doanh thu.*

*- Nguồn xử lý chia sẻ doanh thu của Nhà nước từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước, nguồn tăng thu và tiết kiệm chi, nguồn dự phòng chung của kế hoạch đầu tư công trung hạn*

***b) Đề xuất của Bộ Tài chính***

(1) Nguyên tắc quản lý nguồn thu, nguồn chi phát sinh từ cơ chế chia sẻ doanh thu (Điều 24)

Phần tăng doanh thu mà doanh nghiệp chia sẻ với nhà nước là nguồn thu của ngân sách các cấp (Ngân sách trung ương đối với dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương quyết định chủ trương đầu tư; Ngân sách địa phương đối với các dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư). Đây là khoản giảm doanh thu của doanh nghiệp dự án

- Phần giảm doanh thu mà nhà nước chia sẻ với doanh nghiệp dự án là khoản thu khác của doanh nghiệp dự án.

Nguồn để thực hiện chia sẻ phần giảm doanh thu của nhà nước từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước, nguồn tăng thu và tiết kiệm chi, nguồn dự phòng chung của kế hoạch đầu tư công trung hạn của trung ương, địa phương theo nguyên tắc như đối với phần tăng doanh thu mà doanh nghiệp chia sẻ nêu trên.

(2) Trình tự, thủ tục thực hiện chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu (Điều 25 đến Điều 27)

- Căn cứ doanh thu thực tế và các điều kiện quy định tại Điều 82 của Luật PPP, cơ quan ký kết hợp đồng đề nghị Kiểm toán nhà nước kiểm toán doanh thu thực tế.

- Căn cứ báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước và hợp đồng dự án, cơ quan ký kết hợp đồng xác định giá trị phần doanh thu chia sẻ, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

- Cơ quan có thẩm quyền gửi Bộ Tài chính hồ sơ đề nghị thực hiện cơ chế chia sẻ doanh thu (đối với dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương quyết định chủ trương đầu tư); cơ quan ký kết hợp đồng gửi Sở Tài chính (đối với dự án do Hội đồng nhân dân quyết định chủ trương đầu tư)

+ Cơ quan tài chính (Bộ Tài chính, Sở Tài chính) chủ trì, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền để xem xét quyết định sử dụng nguồn dự phòng ngân sách nhà nước, nguồn tăng thu và tiết kiệm chi, nguồn dự phòng chung của kế hoạch đầu tư công trung hạn thanh toán phần chia sẻ doanh thu giảm.

- Thanh toán chia sẻ phần giảm doanh thu từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước, nguồn tăng thu và tiết kiệm chi của ngân sách nhà nước thực hiện theo hình thức lệnh chi tiền theo quy đinh của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Hồ sơ thanh toán cơ quan ký kết hợp đồng cần gửi kho bạc nhà nước: quyết định của cấp có thẩm quyền về sử dụng dự phòng ngân sách nhà nước để thanh toán; Giấy đề nghị thanh toán, Chứng từ chuyển tiền.

***2.5. Về lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý, thanh toán, quyết toán vốn ngân sách nhà nước thanh toán dự án BT***

***a) Quy định của Luật PPP***

Tại điểm b khoản 12 Điều 3 Luật số 57/2024/QH15 quy định:

*“2a. Hợp đồng BT là hợp đồng được ký kết giữa cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án (nếu có) để xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng; sau khi hoàn thành, nhà đầu tư chuyển giao công trình dự án BT cho cơ quan có thẩm quyền.*

*Hợp đồng BT được thực hiện theo hình thức sau đây:*

*a) Thanh toán bằng quỹ đất được thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai, quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý để thực hiện dự án đối ứng. Việc giao đất, cho thuê đất để thực hiện công trình BT và dự án đối ứng là trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất. Trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai. Giá đất dự kiến của quỹ đất thanh toán dự án BT được tính căn cứ bảng giá đất tại thời điểm lập dự án, lập hồ sơ mời thầu. Việc thanh toán được thực hiện theo cơ chế bù trừ chênh lệch giữa giá trị công trình BT và giá trị quỹ đất thanh toán;*

*b) Thanh toán bằng ngân sách nhà nước từ nguồn vốn đầu tư công hoặc từ nguồn ngân sách nhà nước thu được sau đấu giá quỹ đất, tài sản công và được ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước. Giá trị công trình dự án BT gồm tổng mức đầu tư xây dựng công trình được xác định theo quy định của pháp luật về xây dựng và các chi phí khác sau giai đoạn xây dựng, trong đó có lãi vay sau giai đoạn xây dựng, lợi nhuận hợp lý của nhà đầu tư”.*

***b) Đề xuất của Bộ Tài chính***

(1) Lãi vay sau thời gian xây dựng (Điều 28)

- Căn cứ tham khảo lãi suất vốn vay gồm: (i) Lãi suất cho vay bình quân trung hạn, dài hạn của 04 ngân hàng thương mại trên địa bàn thực hiện dự án do Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước (khu vực) tại địa phương cung cấp gồm: Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; (ii) Lãi suất vốn vay của các dự án BT tương tự.

- Thời gian tính lãi vay: Thời gian tính lãi vay sau thời gian xây dựng được tính từ thời điểm dự án BT hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng đến thời điểm Nhà nước hoàn thành thanh toán cho nhà đầu tư;

- Mức lãi suất: Lãi suất vốn vay được tính theo lãi suất vốn vay thực tế do nhà đầu tư huy động vốn để thực hiện dự án BT, tối đa bằng lãi suất vốn vay quy định tại hợp đồng BT và phụ lục hợp đồng BT (nếu có);

- Mức vốn vay: mức vốn vay theo thực tế, tối đa bằng mức vốn vay quy định tại hợp đồng BT và phụ lục hợp đồng BT (nếu có);

- Thời điểm giải ngân các nguồn vốn, thời điểm Nhà nước thanh toán.

(2) Lợi nhuận hợp lý của nhà đầu tư (Điều 29)

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư tối đa bằng lãi suất huy động bình quân trung hạn, dài hạn của 04 ngân hàng thương mại trên địa bàn thực hiện dự án do Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tại địa phương cung cấp gồm: Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

- Thời gian tính lợi nhuận của nhà đầu tư: tính từ thời điểm hạng mục công trình độc lập hoàn thành, dự án BT hoàn thành được bàn giao và đưa vào sử dụng đến thời điểm hoàn thành thanh toán cho nhà đầu tư;

- Mức vốn chủ sở hữu nhà đầu tư thực tế tham gia dự án, tối đa bằng mức vốn chủ sở hữu quy định tại hợp đồng BT và phụ lục hợp đồng BT (nếu có);

- Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu quy định tại hợp đồng BT và phụ lục hợp đồng BT (nếu có)

- Thời điểm giải ngân vốn chủ sở hữu, thời điểm Nhà nước thanh toán cho nhà đầu tư theo quy định tại hợp đồng BT và phụ lục hợp đồng BT (nếu có).

(3) Thanh toán dự án BT từ nguồn ngân sách nhà nước (Điều 30 đến Điều 32)

- Điều kiện thanh toán: Thời gian bố trí vốn đầu tư công, nguồn ngân sách nhà nước thu được sau đấu giá quỹ đất, tài sản công thanh toán dự án BT kể từ thời điểm dự án hoàn thành, bàn giao cho Nhà nước không quá 06 năm đối với dự án nhóm A, không quá 04 năm đối với nhóm B, không quá 03 năm đối với nhóm C; Nhà nước thanh toán cho doanh nghiệp dự án BT hoặc nhà đầu tư (trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án BT) sau khi dự án BT được cơ quan ký kết hợp đồng BT cấp xác nhận hoàn thành theo quy định của pháp luật xây dựng và đã được kiểm toán giá trị dự án BT hoàn thành; Dự án BT sử dụng nguồn ngân sách nhà nước thu được sau đấu giá quỹ đất, tài sản công chỉ được thanh toán khi đã được tổng hợp vào dự toán ngân sách của cơ quan có thẩm quyền và tiền từ đấu giá quỹ đất, tài sản công đã được nộp vào ngân sách nhà nước; Việc thanh toán lần cuối chỉ thực hiện sau dự án BT hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành.

- Kho bạc Nhà nước thực hiện nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước.

- Cơ quan ký kết hợp đồng dự án BT mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước (khu vực) nơi thuận tiện cho giao dịch.

- Cách thức thực hiện thủ tục thanh toán vốn nhà nước qua Kho bạc Nhà nước: Gửi hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Kho bạc Nhà nước hoặc Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước trong trường hợp đơn vị có tham gia giao dịch điện tử với Kho bạc Nhà nước hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Hồ sơ thanh toán: hồ sơ pháp lý gửi 01 lần, hồ sơ đề nghị thanh toán từng lần.

- Hạch toán ghi thu, ghi chi đối với dự án sử dụng nguồn ngân sách nhà nước từ đấu giá quỹ đất, tài sản công: thực hiện ghi thu ngân sách nhà nước khi tiền từ đấu giá quỹ đất, tài sản công được nộp vào ngân sách nhà nước và ghi chi ngân sách nhà nước khi ngân sách nhà nước thanh toán cho doanh nghiệp dự án hoặc nhà đầu tư (trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án).

(4) Quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành (Điều 33, Điều 34)

Việc quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và một số quy định sau:

- Cơ quan lập báo cáo quyết toán: Doanh nghiệp dự án BT hoặc nhà đầu tư trong trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án BT.

- Người có thẩm quyền phê duyệt dự án BT là người có thẩm quyền phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành.

- Nguyên tắc quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành: dự án BT hoàn thành phải thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành; Quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành căn cứ quyết định phê duyệt dự án, quy định tại hợp đồng dự án BT và phụ lục hợp đồng BT (nếu có), báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành và văn bản của người có thẩm quyền phê duyệt dự án BT xác định chi phí lãi vay đối với phần lãi vay của nhà đầu tư phát sinh sau thời điểm tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán.

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

Nội dung dự thảo Nghị định không có quy định liên quan đến việc bổ sung các khoản chi mới, thành lập các tổ chức, bộ máy mới để triển khai thực hiện. Do vậy, các nguồn lực về tài chính và nhân lực bảo đảm thi hành Nghị định sau khi được ban hành.

**VI. KIẾN NGHỊ**

Với các nội dung dự thảo báo cáo (nêu trên), Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, thông qua Hồ sơ trình dự thảo Nghị định.

Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  -  Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, NN (2).  - Lưu: VT, ĐT (05b). | **BỘ TRƯỞNG**  **Nguyễn Văn Thắng** |